

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 - 2022
“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Trung Úy**; bà **Nguyễn Thị Luận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện CM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/04/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1993. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Tổng Đức A, sinh năm 1991. Vắng mặt

Cùng ĐKKHKT: Tổ dân phố NS, thị trấn CS, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2022, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Cao Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tổng Đức A tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CS, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung anh Đức A mãi chơi cờ bạc không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ lẫn nhau, anh Đức A đánh chị. Trước đó, chị đã nhiều lần gửi đơn xin ly hôn ra Tòa án, lần gần đây nhất là năm 2021 sau đó chị lại rút đơn để mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy

con chung, nhưng mâu thuẫn vẫn ngày trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, chỉ thỉnh thoảng chị về nhà chồng thăm con một lúc rồi đi, anh Đức A đi làm xa nhà, tối muộn mới về nên vợ chồng cũng không nói chuyện, quan tâm nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đức A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Đức A có hai con chung là Tổng Khánh N, sinh ngày 26/8/2016 và Tổng Thị Ngân X, sinh ngày 01/01/2020. Trường hợp ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Xuyên; đồng ý cho anh Đức A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngân cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị đang làm nhân viên tại Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Công việc chị ổn định và làm giờ hành chính nên chị có điều kiện nuôi con. Chị không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Tổng Đức A trình bày:** Anh nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn.

Vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc từ tháng 4/2020, nguyên nhân là cả hai không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng anh đã sống ly thân khoảng một năm nay, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở. Anh đã nhiều lần muốn hàn gắn nhưng chị T vẫn không về đoàn tụ, nay chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Tổng Khánh N, sinh ngày 26/8/2016 và Tổng Thị Ngân X, sinh ngày 01/01/2020. Hiện cả hai cháu đang ở cùng anh.

Nếu ly hôn, anh xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện nay anh làm công việc tự do, anh đang ở cùng bố mẹ đẻ nên ông bà hỗ trợ nuôi con giúp anh. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị được nuôi cháu Xuyên sau khi ly hôn; đồng ý để anh Đức A nuôi cháu Ngân. Không yêu cầu anh Đức A cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị T được ly hôn anh Đức A. Về con chung: Đề nghị giao cháu Tổng Thị Ngân X cho chị T; giao cháu Tổng Khánh N cho anh Đức A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Cao Thị T có đơn khởi kiện đối với anh Tổng Đức A về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Anh Tổng Đức A hiện có hộ khẩu thường trú và cư trú tại NS, thị trấn CS, huyện CM, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Tổng Đức A: Anh Đức A đã được tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đức A.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Tổng Đức A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CS, huyện CM, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Đức A thì thấy: Chị T cho rằng vợ chồng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân và vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ nhiều tháng nay. Anh Đức A cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh Đức A sau nhiều lần muốn hàn gắn nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn nên anh Đức A cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đức A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều

51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị T được ly hôn với anh Đức A là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh Đức A có hai con chung là Tổng Khánh N, sinh ngày 26/8/2016 và Tổng Thị Ngân X, sinh ngày 01/01/2020.

Xét nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tổng Thị Ngân X, anh Đức A có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Xét điều kiện nuôi con thì thấy: Chị T có công việc ổn định, anh Đức A đi làm xa nhà lại làm nghề tự do nên thu nhập không ổn định nên để đảm bảo cho cuộc sống của các con nên giao cháu Tổng Thị Ngân X cho chị T; giao cháu Tổng Khánh N cho anh Đức A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị T và anh Đức A đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, anh Đức A cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh Đức A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Cao Thị T được ly hôn anh Tổng Đức A.

2. Về con chung: Chị Cao Thị T và anh Tổng Đức A có 02 con chung là Tổng Khánh N, sinh ngày 26/8/2016 và Tổng Thị Ngân X, sinh ngày 01/01/2020.

Giao cháu Tổng Thị Ngân X cho chị Cao Thị T; giao cháu Tổng Khánh N cho anh Tổng Đức A được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Chị Cao Thị T, anh Tổng Đức A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh Đức A đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, anh Đức A cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

4. Về án phí: Chị Cao Thị T phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0075661 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM ngày 11/02/2022.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND. TT. CS (Số 64/2015);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

